

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẾN LÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 77/2017/HNGÑ -ST

Ngày 06/10/2017

V/v tranh chấp yêu cầu xin ly hôn
và nuôi con.

NHÂN DANH

**N C CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẾN LÊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử thẩm phán có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Diêu;
2. Bà Lê Thị Kiều.

- Thẩm ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thẩm ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bến Lê.

- Hội thẩm nhân dân kiêm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bến Lê tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử thẩm công khai vụ án thụ lý số : 144/2017/TLST-HNG ngày 14 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “yêu cầu xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định của vụ án ra xét xử : 175/2017/Q ST- HNG ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử : 30/TB-TA ngày 02 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên nhân: Ch Lâm B N, sinh năm 1983;

Địa chỉ : phường Phước B, xã Phước B, huyện Phước Long, tỉnh Bến Lê.

Tạm trú: phường Ninh Hải, xã Ninh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Bến Lê.

Bản thân: Anh Phan Thanh G, sinh năm 1983;

Địa chỉ : phường Phước B, xã Phước B, huyện Phước Long, tỉnh Bến Lê.

Tạm trú: phường Mỹ Thạnh, xã Mỹ Thạnh, huyện Phước Long, tỉnh Bến Lê.

(Ch. Ngoại, anh G có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14 tháng 7 năm 2017 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên nhân Ch Lâm B N trình bày:

V hôn nhân: ch N và anh G làm đám cưới vào ngày tháng nào không nhớ nh ng vào n m 2002, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không có ai ép buộc, nh ng ch a có đăng ký kết hôn và n nay vẫn ch a có đăng ký kết hôn. Do anh G không lo làm việc, th ng xuyên nh ch i, nhi u l n ánh ch , ghen tuông nên x y ra nhi u mâu thuẫn và ch ã v nhà cha mẹ ruột t ngày 12 tháng 6 n m 2017 n nay. Ch yêu cầu ly hôn với anh G.

V con chung: ch và anh G có 02 người con chung tên Phan Trọng Q, sinh ngày 26/3/2004 và Phan Nhã P, sinh ngày 19/4/2011. Hiện tại cháu Q đang sống với anh G và cháu P đang sống với ch . Khi ly hôn ch yêu cầu chi phí nuôi cháu P, không yêu cầu anh G chi phí nuôi con; ng ý cho anh G chi phí nuôi con tên Q, xin tạm miễn việc chi phí nuôi con.

V tài sản chung, nợ chung: ch và anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án ghi quyết.

Bên anh Phan Thanh G trình bày:

V hôn nhân: anh G tự nguyện thôi trình bày cách ch N về thời gian sống chung, không có đăng ký kết hôn và thời gian không còn sống chung. Anh G ng ý ly hôn với ch N.

V con chung: anh G tự nguyện thôi trình bày cách ch N. Khi ly hôn anh có yêu cầu nuôi 02 người con, không yêu cầu ch N chi phí nuôi con.

V tài sản chung và nợ chung: anh G và ch N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án ghi quyết.

Đi đến c a Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph c Long trình bày quan điểm:

- Về thẩm định tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng c a Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các thành viên tham gia phiên tòa là đúng theo quy định c a luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ V hôn nhân: Hội đồng xét xử không công nhận ch Lâm B N và anh Phan Thanh G có quan hệ vợ chồng.

+ V con chung: Hội đồng xét xử, chi phí nuôi cháu Phan Trọng Q, sinh ngày 26/3/2004 cho anh G nuôi dưỡng; chi phí nuôi cháu Phan Nhã P, sinh ngày 19/4/2011 cho ch N nuôi dưỡng; ch N, anh G không chi phí nuôi cháu Q và cháu P. Ch N, anh G có quyền tự lui thẩm nom, chi m sóc con chung không ai có quyền can thiệp.

+ V tài sản chung và nợ chung: thành viên không yêu cầu, không đưa ra xem xét ghi quyết.

NH N NH C A TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu xuất c a Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận như sau:

[1] Về thẩm định và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lâm B N kiện anh Phan Thanh G vì việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bình Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thẩm lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Lâm B N và anh Phan Thanh G từng nhậm trình bày, anh và chị làm đám cưới vào năm 2003, còn ngày tháng thì không nhớ; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn và nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân thì giữa chị N và anh G từng xuyên xây ra mâu thuẫn và ngày thêm trầm trọng, hình thức không tốt nên không còn sống chung từ ngày 12 tháng 6 năm 2017 nay. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, quan hệ hôn nhân của chị N và anh G thực xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, nhưng chị N và anh G không đăng ký kết hôn theo quy định tại điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh G. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm B N và anh Phan Văn G.

[3] Về con chung: chị N và anh G có 1 bé khai sinh nhậm trình bày; chị và anh có 02 người con chung tên Phan Trọng Q, sinh ngày 26/3/2004 và Phan Nhã P, sinh ngày 19/4/2011. Hiện tại cháu Q đang sống với anh G, cháu P đang sống với chị N. Chị N có yêu cầuטיפול nuôi cháu P, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị cho anh Gטיפול nuôi cháu Q. Về phía anh G có yêu cầu nuôi 02 người con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị N và anh G không thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung, cháu P tính đến ngày xét xử chưa được 07 tuổi, cháu Q có 1 bé khai cháu có nguy cơ vắng sống với anh G. Tại khoản 2 điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định “trường hợp không thỏa thuận thì Tòa án quyết định giao con cho một bên tựטיפול nuôi con căn cứ vào quyền lợi và lợi ích của con; nếu con từ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Qua xem xét quy định của pháp luật, ý kiến của cháu Q và nhận thấy không làm xáo trộn lợi ích của cháu P nên chấp thuận yêu cầu của chị N.טיפול giao cháu Phan Trọng Q, sinh ngày 26/3/2004 cho anh G nuôi dưỡng;טיפול giao cháu Phan Nhã P, sinh ngày 19/4/2011 cho chị N nuôi dưỡng; chị N, anh G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q và cháu P. Chị N, anh G căn cứ quy định tại lui thẩm định, thẩm định sóc con chung không ai có quyền cản trở. Trường hợp phải định về thẩm định con chung làm cản trở việc nuôi con thì người tựטיפול nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế về thẩm định con chung theo quy định tại khoản 3 điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không tra xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Bị cáo chị Lâm B N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét thấy các Kiến nghị viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp thuận toàn bộ.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 14, khoản 2 điều 53; khoản 2 điều 81; khoản 3 điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên x:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Lâm B N và anh Phan Thanh G.

2. Về con chung: tiếp tục giao cháu Phan Trọng Q, sinh ngày 26/3/2004 cho anh G nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tiếp tục giao cháu Phan Nhã P, sinh ngày 19/4/2011 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị N, anh G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q và cháu P. Chị N, anh G có quyền tự lui thê m nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ: không đưa ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bu c ch Lâm B N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ghi nhận chị Nhã P tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0009927 ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph c Long, nớc chuy n thu án phí. Anh Phan Thanh G không phải nộp án phí.

Án x s th m dân s công khai v ng m t các ng s , các ng s có quyền kháng cáo b n án trong h n 15 ngày c tính k t ngày nh n c b n án ho c niêm v t b n án.

Nội nhân:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Ph c Long
- Nông s
- Người tham gia tố tụng khác
- L

TM. HỘI NG XÉT X S TH M
Th m phán – Ch t a phiên tòa